



BẢNG TIN HẰNG THÁNG SỐ 47

HỘI ÁI HỮU BIÊN HOÀ

HỘI ĐOÀN BÁT VỤ LỢI VÀ TỪ THIỆN

GIẤY PHÉP SỐ 800032127 – SỐ MIỄN THUẾ VỤ: 20-0094475

TRỤ SỞ TẠM: 10731 TRIOLA LANE, HOUSTON, TEXAS 77072

ĐIỆN THOẠI: 713-933-3127 ** EMAIL: datlam1951@hotmail.com

datlam1951@hotmail.com Web Site: www.hoiaihoubienhoa.org

PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 6 NĂM 2007, TẠI HOUSTON, TEXAS

Ban Chấp Hành

2005-2007

Lưu Nhiệm

Ban Cố Vấn

Lễ Nghi và Tương Tế

Ông Lê Văn Năm

Tổng Quát

Ông Lê Văn Trường

Văn Nghệ và Báo Chí

Ông Nguyễn Văn Thịnh

Ban Điều Hành

Hội Trưởng

Ông Lâm Sĩ Đắt

Phó Hội Trưởng Nội Vụ

Ông Nguyễn Bửu Lân

Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ

Ông Trần Văn Thanh

Thư Ký

Cô Hồ Thị Hạnh

Thủ Quỹ

Bà Bùi Văn Tuấn

T/B Lễ Vía Đức Ông

Trần Thượng Xuyên

Ông Từ Phước Hạnh

T/B Đại Hội Tân Niên

Ông Nguyễn Văn Ngàn

Thông Tin và Liên Lạc

Cô Vân : 281-261-5844

Ông Lâm Sĩ Đắt

Tư Gia : 281-933-3127

Cell Phone: 713-922-5638

Fax No. : 281-933-3127

Fax No. : 281-988-5090

Thư Ngỏ

NHỮNG TRÁI TIM CÒN LẠI CỦA QUÊ HƯƠNG BIÊN HOÀ TRƯỚC TRÁCH NHIỆM VÀ BỔN PHẬN

Kính thưa Quý Bậc Trưởng Thượng,

Kính thưa Quý Đồng Hương và Thân Hữu,

Khi Bảng Tin HẰNG THÁNG số 47 được gửi đến Quý Vị trong tháng Sáu, cũng trong tháng này, có ngày bầu cử Tân Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 2007-2010. Ngày 10 tháng 6 năm 2007 là ngày chúng ta cùng nhau tiến hành một bước đổi mới về cơ cấu và nhân sự cho việc tô điểm ngôi nhà Hội Ái Hữu Biên Hoà tại Houston và các Vùng Phụ Cận, Tiểu bang Texas thêm sáng đẹp hơn, vững chắc hơn và cũng để vun xén cho vườn bưởi Biên Hoà thêm xanh tươi, oằn bông trái.

Trong sáu năm qua, thời gian này chỉ là một đoạn đường ngắn ngủi và đoàn lữ hành phải mò mẫm, dò tìm từng bước để học hỏi và rút kinh nghiệm trong trách nhiệm bảo lưu và phát triển một đặc sản của quê hương Biên Hoà được dựng xây nơi hải ngoại. Ưu điểm cũng có mà khuyết điểm cũng rất nhiều. Đó là quy luật phát sinh trong bất cứ nhiệm vụ nào, dù CÔNG hay TƯ đều phải trải qua những bước đầu đầy khó khăn và thử thách. Thành hay bại đều do lòng kiên nhẫn, sự quyết tâm học hỏi và khắc phục những khuyết điểm, phát huy những ưu điểm để hoàn thành được trách nhiệm của mình trước sự tín nhiệm của đồng hương và thân hữu.

Một Tân Ban Chấp Hành với thành phần nhân sự được chúng ta lựa soạn và bầu ra, cùng với sự thành lập những cơ chế và các Ban Chuyên Trách theo tinh thần của Bản Nội Quy được tu chính, sẽ là một công trình “Đại tu bổ” cho ngôi nhà Hội Ái Hữu Biên Hoà tại thành phố Houston và các Vùng Phụ Cận, Tiểu bang Texas được sáng đẹp hơn, bền vững hơn, chan chứa tình yêu thương đoàn kết của những trái tim còn lại của quê hương Biên Hoà đang lang bạt khắp nơi trên vùng đất tạm dung nơi hải ngoại. Sự tham dự đông đủ của Quý Đồng Hương trong ngày bầu cử Tân Ban Chấp Hành, một lần nữa nói lên ý chí và quyết tâm XÂY DỰNG VÀ BẢO TỒN ngôi nhà chung của chúng ta như những ngày đầu tiên thành lập Hội hơn sáu năm về trước.

Trân trọng kính mời và chờ mong ngày hội ngộ 10 tháng 6 năm 2007.

Thân kính

Nguyễn Văn Thịnh

(Trường Giang Nguyễn Trung Lynh)

MỘT CHÚT TÂM TÌNH

Nguyễn Kim Lộc

Vào một buổi sáng đẹp trời, cách nay khoảng hơn một năm, tôi hân hạnh nhận được một số quà, gồm kính, sách văn thơ, do các người bạn thân của tôi, trong nhóm Thi Văn Đoàn Sông Phố (Biên Hoà) sáng tác hoặc biên soạn, gửi tặng. Những tập sách viết tay, in ronéo trên giấy học trò, rất khiêm nhường, nhưng chứa chan tình cảm, chuyên chở được nội dung các đề mục: khuyến tu, hiếu hạnh, rèn luyện thân thể, diễn tả những chuyến hành hương cứu trợ, thăm viếng nhiều danh lam thắng cảnh, các ngôi chùa cổ kính ở Việt Nam và việc sưu tầm các phương thuốc hiệu nghiệm từ cỏ cây ... phổ biến rộng rãi trong ý hướng giúp người, độ đời. Thật là một việc làm có ý nghĩa.

- *Chùm Thơ Ôn Nghĩa Sinh Thành* của Lê Văn Chắt -*Trở Về Cõi Sáng* của Đỗ Công Trường -*Cứu Trợ Và Tham Quan Buôn Mê Thuật* của Vệ Hiệp -*Trở Lại Đường Xưa –Nha Trang 2005* của Vệ Hiệp -*Tập Thơ Người Cao Tuổi* của Lê Văn Chắt -*Hành Hương Gia Lai* của Vệ Hiệp -*Hành Trình Phương Bắc* của Vệ Hiệp -*Hành Hương Thập Tự 2004* của anh Lê Văn Chắt -*Ký Sự Lăn Đi 2004* của Vệ Hiệp -*Giác Ngộ Đến Giải Thoát* của Vệ Hiệp -*Kinh Sám Hối Tam Nghiệp...*

Tôi cảm thấy vô cùng thích thú, khi đọc các tập thơ văn và tâm tình của các bạn, nhất là lớp đàn anh đang sống ở quê nhà mà tôi đã từng kính trọng, mến thương... Những dòng chữ cứ lướt nghiêng trên trang giấy học trò, nét bút tuy có hơi ngưng ngấp vì tuổi đời chông chắt, nhưng lời văn vẫn bóng bẩy, thâm trầm, ý tứ vẫn rạt rào thi vị...

Những tập sách trên cũng cho tôi một số thông tin hữu ích... Có lúc tôi cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui, khi thấy bạn bè có dịp hành hương khắp đó đây, thăm viếng nhiều ngôi chùa cổ kính, cùng thưởng ngoạn những danh lam thắng cảnh của đất nước Việt Nam và mừng cho các bạn tôi đã buông xả nghiệp đời, dần thân vào việc từ bi đạo hạnh, tự tìm con đường giải thoát ... hoặc có lúc tôi trầm ngâm suy nghĩ về hai chữ Hiếu Thảo, khi đọc một trích đoạn lá thư của bác Lê Văn Nhơn(1) gửi anh Lê Văn Chắt năm 2004, tâm sự về ‘Mùa Vu Lan – Nghĩ Về Mẹ Và Quê Hương’ nơi trang cuối tập ‘Chùm Thơ Ôn Nghĩa Sinh Thành’ của anh Lê Văn Chắt, nói lên tình thương yêu cha mẹ của bác Nhơn, một người gần chín chục tuổi đời, tóc đã trắng màu sương, vẫn còn trĩu lòng biết ơn công đức sinh thành của cha mẹ và nặng tình hoài niệm quê hương cùng nhớ thương thân tộc đang ở Việt Nam... hoặc cũng có lúc tôi dừng lại, ngâm ngùi, khi đọc dòng tin anh Trần Doãn Chấp, cựu Chánh Lục Sự Toà Thượng Thẩm Sài Gòn ngày xưa, đã từ già cõi đời vào năm 2005, ở tuổi 93 và còn để lại cho bè bạn thân thương nhiều bài thơ Đường giá trị với bút hiệu Kỳ Trung.

Trong nhóm bạn cùng trao đổi việc Đạo và cùng trong nhóm các nhà thơ tài tử nói trên, tôi nhận ra các bạn sau đây:

-Anh Lê Văn Chắt (2), quản lý rạp hát Biên Hùng ngày xưa, nay đã gần ‘bát thập’, sức khoẻ còn dồi dào, trí nhớ còn minh mẫn, người gốc xã Hiệp Hoà, xóm Bình Tự, dáng vẻ hào hoa, tính tình hiền lành, dễ mến, tôi quen biết anh Hai Chắt rất lâu, nhưng mãi về sau này, tình thân thiện mới có dịp tăng dần, nhờ trung gian anh Ba Bì Văn Nhung, người bạn vong niên của tôi, đã 86 tuổi đời, gốc người Cù Lao Phố, hiện định cư tại Boston (MA)..., nhớ lần tôi với anh Ba Nhung, đi viếng đám tang thân phụ anh Hai Chắt khoảng năm 1990, ra về giữa đêm mưa tầm tã...

-Anh Đỗ Công Trường, thứ nam của bác Đỗ Hữu Quờn, một nhân sĩ Biên Hoà ngày xưa, anh Trường là rể của Bà Sáu Chức, chủ tiệm vàng An Hoà tại khu chợ Biên Hoà, người bạn thời Tiểu Học của tôi, tính tình điềm đạm, vui vẻ, anh đã sớm nhận thức lẽ huyền vi trong ánh đạo vàng và ý thức được cuộc đời là cõi tạm nên đã say sưa nghiên cứu kinh sách và bỏ công sưu tầm những bài thuốc gia truyền hoặc các phương dược thảo trong ý hướng giúp người nghèo khổ...

-Anh Vệ Hiệp, gốc người Quảng Nam, cựu công chức Ty Điện Địa Biên Hoà từ năm 1960, chấp nhận Biên Hoà làm quê hương thứ hai, đất lành chim đậu, lập gia đình tại đây và chọn Xã Hiệp Hoà làm nơi trú quán...

- Anh Nguyễn Châu Bửu, cựu viên chức Toà Hành Chánh Tỉnh Biên Hoà, từng làm Phó Quận Trưởng Dĩ An, em rể của thầy Phùng Văn Bé (một viên chức kỳ cựu của Toà Hành Chánh Tỉnh Biên Hoà hiện định cư tại Úc Châu), nhà ở gần công vào ga xe lửa Biên Hoà, là một người tử tôn và luôn có nụ cười đặc biệt ...

-Anh Lê Thanh Điền, Pháp danh Phước Hội, cựu viên chức Ty Kiến Thiết Biên Hoà ngày xưa..., tuổi đời ngoài tám mươi, hiện ngụ tại khu Vườn Điệp, gần Ty Công Chánh Biên Hoà, dường như anh đã gác bỏ ngoài tai mọi sự đời, chú tâm học đạo, anh đã soạn một bộ sách gồm bốn quyển (chép tay, in ronéo) với tựa ‘Nhật Lá Bồ Đề’ trình bày về những bước căn bản của Thiền và đã gửi tặng cho 40 người đang tu tập về môn này.

Các bạn nói trên hầu hết đều ở tuổi quá thất thập, tất cả đều có pháp danh và đang đi trên con đường từ bi hỷ xả...

Lý thú làm sao, ở tuổi về chiều mà còn quy tụ được nhiều bạn thâm giao, để cùng nhau chia sẻ buồn vui và hướng dẫn nhau đi trên con đường tìm chân lý giải thoát. Tôi mừng cho các bạn tôi đã trở thành các phật tử thuần thành, hằng ngày đắm say trong ánh đạo mâu, vui thú trong các chuyến hành hương, viếng thăm các kiếng chùa khắp nơi trên đất nước Việt Nam, có dịp thả hồn phiêu bồng theo cảnh trí thiêng liêng huyền nhiệm và làm chuyện phúc đức, tổ chức cứu trợ những người nghèo trong cơn hoạn nạn, đang gặp thiên tai bão lụt... Nhưng phải thực sự mà nói, qua số kính sách nói trên tôi nhận thấy các bạn tôi, mỗi người có một nét riêng, anh Đỗ Công Trường pháp danh Thiện Đức hằng say tìm đọc nhiều kinh sách, nghiên cứu, chọn những điều cốt lõi trong kinh pháp, lược giải, cô đọng, đưa vào quyển ‘Trở Về Cõi Sáng’, để giúp cho những người không có thì giờ đọc nhiều kinh sách, đọc qua quyển ‘Trở Về Cõi Sáng’, có thể giúp họ dễ dàng lãnh hội yếu chỉ của đạo Phật và anh Trường cũng đã chịu khó bỏ ra nhiều thì giờ và công sức, sưu tập những phương thuốc gia truyền có khả năng chữa lành nhiều căn bệnh, phổ biến rộng rãi, giúp mọi người tự chữa trị, khi lâm bệnh, nhất là đối với những người dân ở nông thôn, đang trong hoàn cảnh nghèo khổ, thiếu thầy, thiếu thuốc, giúp cho mọi người hiểu

hiểu giá trị của các phương dược thảo, có thể dễ dàng tìm được trong vườn, ngoài ngõ hay tự tay trồng lấy để dùng.

Ngoài ra, anh Đỗ Công Trường còn làm thơ, mặc dù không chuyên nghiệp, nhưng lời thơ vẫn thấm màu nhân ái và nhiều bài thơ mang sắc thái đặc thù ở vị trí ba chữ cuối của câu thứ tư của mỗi đoạn thơ thất ngôn, tôi mời các bạn thưởng thức bài thơ dưới đây.

MÂY TRẮNG ĐƯỜNG XƯA

Thôi nhé! Cuộc đời là thế đấy	Bốn chục năm rồi không làm thơ
Mong manh đường thê hạt sương mai	Ngày nay anh đã sáu mươi rồi
Có chăng sương trắng miền quê ngoại	Tinh thần khương kiện, lòng thanh thản
Voi bót nổi niềm cay đắng cay.	Anh viết về anh lời đối lời.

Mây trắng đường xưa chợt nhớ anh	Không biết vì sao tôi làm thơ
Nhớ lời anh dặn buổi hôm nay	Nàng thơ xa lánh tự bao giờ
Giữ lòng ngay thẳng, tâm bình chính	Hôm nay trở lại hồn tôi khuấy
Đạo đức vững bền tay trong tay	Thôi nhé ! Thôi rồi, tôi biết tôi.

Thiện Đức Đỗ Công Trường.

Biên Hoà, cuối Thu 2004

Anh Lê Văn Chất, Pháp danh Thiện Ngôn, viết rất nhiều cả văn và thơ, qua tập thơ ‘Chùm Thơ Ôn Nghĩa Sinh Thành’, tập thơ ‘Người Cao Tuổi’, ‘Hành Hương Thập Tự’ ... cho tôi thấy được lòng hiếu hạnh của anh đối với song thân của anh và lòng hiếu hạnh của con anh là cháu Ngọc Quý đang định cư tại Marseille (Pháp) đối với cha mẹ (tức anh chị Hai Chất). Trong tập thơ ‘Ôn Nghĩa Sinh Thành’ được coi là một dòng thơ ba thế hệ, thể hiện nền nếp đạo đức gia đình và truyền thống thương cha quý mẹ của Lê gia... Mời quý đồng hương đọc các bài thơ tiêu biểu sau đây.

Thế hệ thứ nhất

(Lê Văn Tân)

Khuyến Tu

Ai muốn nương theo gót Phật Đà	Lò gốm tinh thần kia sẵn đó
Sầu thành tục sớm bước chân ra	Kho tàng vô tướng có kia mà
Dò đường giác ngộ lần lần tới	Sự sè chi nữa lòng ngơ ngẩn
Lấp lối mê tình thoát thoát qua.	Chúng Thánh mỗi lòng luống đợi ta.

Thế hệ thứ hai.

(Thiện Ngôn Lê Văn Chất)

Giỗ Cha

Ngày giỗ cha – con, tuổi đã già
Nhìn xem di ảnh nhớ cha ta
Thọ trên bát tuế - đời như ý
Hạnh phúc niềm vui đẹp thế gia
Về cõi non bông - nơi đất tịnh
Tây Phương Cực Lạc có đâu xa
Hương trầm toả khắp - cha về chứng
Chay tịnh lòng con - Nhớ giỗ cha.

Mừng Thọ Mẹ

Tết đến Quý Mùi Mẹ chín lăm
Chúng con chúc thọ Mẹ trên Trăm
Bình an sức khoẻ tinh thần kiện
Bách tuế người già tính tháng năm
Diễm phúc hân hoan vì có mẹ
Cha thì khuất núi, Mẹ đầu râu
Chúng con cầu nguyện Như Lai Phật
Sức khoẻ là vàng, Mẹ vượt Trăm.

Thế hệ thứ ba

(Ngọc Quý, con gái anh Lê Văn Chất)

Nỗi Nhớ

Nơi xứ lạ gọi về bao nỗi nhớ	Con vẫn nhớ mẹ giờ bên bếp lửa
Nỗi nhớ ông bà, nhớ mẹ, nhớ thương cha	Sửa soạn cơm canh để cúng ông bà
Nỗi nhớ em, nhớ cháu thật đông đầy	Đêm Ba Mươi cha với bàn hương quả
Con bật khóc giữa mùa Xuân bở ngỡ...	Đón Giao Thừa cầu phúc lộc thọ đa
Nơi xứ xa, mùa Xuân như yên ngủ	Nơi xứ xa mùa Xuân không hiện hữu
Nhìn chung quanh, ta chỉ có mình ta	Nhưng trong con chan chứa nhớ quê nhà
Nơi xứ lạ mọi người như tất bật	Con sẽ về một mùa Xuân nào đó
Quên Xuân về trên mảnh đất quê xa...	Trong nụ cười niềm nở của mẹ cha

Và sau đây tôi xin giới thiệu anh Vệ Hiệp, Pháp Danh Thiện Phát, một nhà thơ tài tử (theo lời anh ghi). Anh làm thơ nhiều thể loại, nhưng thể Song Thất Lục Bát là thể thơ anh thường sử dụng nhất, nên bạn bè gán cho anh là chuyên gia về thể thơ Song Thất Lục Bát. Anh Vệ Hiệp ở tuổi quá thất thập cổ lai hy rồi mà trí não vẫn còn tốt. Đi hành hương bất cứ nơi nào, anh cũng cố gắng nhiếp thu vào trí nhớ những chuyện hay, các cảnh đẹp và những nét đặc thù của từng địa phương... để khi trở về nhà, anh chuyển lại thành thơ. Hiện anh có đến năm tập thơ thể song thất lục bát, diễn tả những chuyến hành hương các tỉnh miền Bắc, Đồng Bằng Sông Cửu Long, miền Trung và cả vùng rừng núi Cao Nguyên Việt Nam... Tôi xin trích ra đây bài “Vịnh Hạ Long” trong tập thơ ‘Hành Trình Phương Bắc’, xin mời thưởng lãm...

Vịnh Hạ Long

*Trên bến cảng, tàu thuyền nhiều quá
Đâu sát nhau kể cả số trăm
Mỗi thuyền chỉ chờ hai lăm (25)
Nhỏ neo rời bến tham quan biển trời...
Thuyền ghé qua nhiều nơi đã định
Chạy vòng quanh ngắm vịnh Hạ Long
Ghé vào “Đầu Gốc Thiên Cung”,
Thiên nhiên hùng vĩ lạ lùng lắm thay!
Trong toàn cảnh mười hai hang động,
Cầu tạo nên chặng giống khuôn nào,
Chỗ thì từ thấp lên cao,
Như mây lơ lửng bám vào vách cây,*

*Tượng thạch nữ hiện đầy quanh động
Dấu tích xưa sự sống còn đây...
Mỗi nơi hình tượng lạ kỳ,
Bên kia giống Phật bên này đầu voi
Kể thuyết minh lâu lâu truyền thuyết
Tìm thuộc lòng mẫu chuyện xưa xa
Chỗ nào mình đã đi qua
Xem hình nhớ lại, không ...là quên luôn.
Người thợ ảnh nhiều phương lắm kể...
Phim tốc hành rửa sẵn chờ ta
Vòng ra đón tại bến phà
Thấy mình trong ảnh, tiền ra ảnh vào.*

Vệ Hiệp (2002)

Viết đến đây, tôi dừng lại đợi chờ khá lâu mong có được vài ba bài thơ của anh Ba Điền, để ghi vào đây cho được đầy đủ các bạn trong thi văn đoàn tài tử nói trên và rất may, tôi vừa được một người bạn thân trao cho mấy bài thơ đượm màu sắc Thiền của anh Ba Điền, bút hiệu Tô Giang, tôi xin ghi vài đoạn dưới đây.

*Hôm nay đầu nhật thọ Bát quan
Nhận thấy cửa Thiền chốn tịnh an
Giúp cho giới tử lòng thanh thoát
Giây phút Niết Bàn tại thế gian.*

*Sau độ trai viên đến kinh hành
Di đà miệng niệm bước vòng quanh
Lục hoà chấm dứt tâm chế ngự
Giới tử dung thông dạ tín thành*

.....
*Giới sư hướng dẫn khoá tọa Thiền
Giới tử ba hàng định vị yên
Hơi thở ra vào đường sâu đậm
Quán niệm tâm về tận cõi nguyên.*

.....
*Một ngày ăn náo chốn thiền môn
Xa hẳn gia đình lắm bôn chôn
Tam linh an trụ trong thanh tịnh
Nguyện suốt đời theo Đức Thế Tôn*

Trên đây là một ít vần thơ và đôi nét sinh hoạt của nhóm thi văn đoàn Sông Phố ở quê nhà, tôi trích ra từ các tập thơ, văn nói trên, gửi đến quý đồng hương thường thức với tấm lòng rộng mở. Những vần thơ không chuyên nghiệp nhưng thể hiện được tấm lòng chân thành trong ý hướng xây dựng Đời và Đạo. Tôi rất khâm phục và kính trọng các bạn của tôi nói trên, tuổi đời đã quá thất thập, nhưng vẫn năng hoạt động và cố gắng giữ gìn sức khoẻ để còn làm được những điều hữu ích, như tham gia hành hương cứu trợ nhiều nơi, nghiên cứu kinh sách hướng dẫn được nhiều người tu tập, ăn chay, niệm Phật, làm lành, lánh dữ, tìm được phút giây an nhiên tự tại trong ‘Cảnh ngày xế bóng, cảnh người tàn niên’(3).

Viết đến đây, tôi cũng xin ghi vài nét về Chùa Thanh Long, một ngôi chùa nằm khuất trong xóm ga xe lửa Biên Hoà, do thượng toạ Thích Huệ Hiền trụ trì, thầy được tín đồ Phật tử cũng như khách hành hương mô tả là bậc chân tu, quyết nương bóng Phật Đà, cứu nhân độ thế nhất là việc hoá duyên, tổ chức các chuyến hành hương, tạo cơ hội cho những người có thiện tâm mở lòng từ bi...trợ giúp cho những người đang cơn hoạn nạn, trong tinh thần lá lành đùm lá rách, hoặc trong tinh thần ‘Dầu xây chín bậc phù đồ -Không bằng làm phước giúp cho một người’, mà các người bạn nói trên của tôi đã tích cực tham gia và hỗ trợ cho chùa.

Và sau đây tôi xin gửi lời cảm ơn đến anh Đỗ Công Trường anh Lê Văn Chắt, anh Vệ Hiệp, anh Lê Thanh Điền... đã cho tôi nhiều phút giây thoải mái khi đọc qua các tập thơ, văn của quý anh. Xin kính chúc các bạn dồi dào sức khoẻ để an hưởng tuổi già trên hướng đi đã chọn. **Nguyễn Kim Lộc** (Chicago ngày 21-4-07)

Ghi chú: (1) Bác Lê Văn Nhơn có bài viết ‘TẢN MẠN NGÀY XUÂN’ đăng trên Bảng Tin số 31 của Hội AHBH, (2) Anh Lê Văn Chắt có bài thơ ‘MẸ LÀ TẤT CẢ’ với bút hiệu Thiện Ngôn, đăng Bản Tin số 34/HAHBH, (3) dịch từ tựa bài thơ ‘Le declin du jour et le declin de la vie’ của nhà văn Pháp Victor Hugo. Lời thơ của Thiện Ngôn thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, Khổng giáo và Nho giáo, anh luôn nhấn mạnh chữ Tâm và lòng Hiếu Hạnh, qua bài Đôi Dòng Tự Sự nơi mấy trang đầu tập ‘Chùm Thơ Ôn Nghĩa Sinh Thành’ anh đã viết hai câu đối: “Công cha dưỡng dục đường non Thái. Nghĩa mẹ sinh thành tựa biển Đông.” Và anh cũng mượn mấy câu ca dao nói về công đức của người cha và tầm quan trọng của người cha trong gia đình “Con có cha như nhà có nóc. Con không cha như nòng nọc đứt đuôi.” “Con cha gót đồ như sơn. Một mai cha mất gót con lấm bùn.” “Đạo làm con chớ hững hờ. Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.”

PHỤ BẢN BẢNG TIN HẰNG THÁNG SỐ 47
PHÁT HÀNH NGÀY 01 THÁNG 6 NĂM 2007 TẠI HOUSTON, TEXAS

BÔNG HỒNG DÂNG TẶNG MẸ

Mẹ ơi con đã lớn rồi
Đôi mươi tuổi ngọc cuộc đời nở hoa
Công lao của mẹ của cha
Cao như núi Thái – bao la biển trời
Nhờ ai con được nên người?
Mẹ cha vun đắp cuộc đời cho con
Đá kia nước chảy sẽ mòn
Ôn cha nghĩa mẹ vẫn còn thiên thu

.....
Con nhớ ngày xưa ở quê mình
Con còn là bé nhỏ xinh xinh
Tung tăng vôi vỉnh trong lòng mẹ
Mẹ dạy từng câu nói trường thành
Mẹ nuôi con từng tháng năm dài
Tảo tần hôm sớm nặng oằn vai
Nhường cơm mớm cá nuôi con lớn
Áp lạnh quạt nồng dạ chẳng phai

Ngày nay con được tuổi đôi mươi
Mẹ đã hy sinh cả cuộc đời
Công lao nuôi dạy con khôn lớn
To lắm Mẹ ơi! Nhớ trọn đời.
Gian lao khiến Mẹ tuổi thêm già
Tóc đã ngã màu, nắng rám da
Thân Mẹ héo gầy vì sương gió
Mẹ bỏ sau lưng tuổi ngọc ngà
Những đêm mưa gió con trở giấc
Chăn ấm Mẹ hiền đang đắp con
Bất chợt trào dâng nguồn cảm xúc
Con ôm tay Mẹ - khóc trong hồn
Mẹ là nguồn sống tuyệt vời
Con không thiếu Mẹ trong đời, Mẹ ơi!
Đêm đêm con khấn Phật Trời
Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con

Tứ Cô Nương: Lynh - Trang - Vân - Thy

NGÀY BỎ NƯỚC RA ĐI....

Huy Lục Bùi Tiên Khôi

Những gì đã xảy ra trong tháng Tư năm 1975, những ngày tháng hỗn loạn kinh hoàng trời long đất lở, ngày tự do sụp đổ, đời đời tận thế đó phải được mỗi người trong hàng chục triệu người ghi chép để truyền lại hậu thế mai sau. Bởi vì lịch sử của một dân tộc trong một giai đoạn nào đó, đâu có gì sống động trung thực hơn những câu chuyện được kể lại của nhiều người...

Tôi quen biết Alan Carter, trưởng phòng thông tin và thư viện của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, như một tình cờ văn chương định mệnh. Tại một buổi nói chuyện với đề tài “*Những người yêu thơ*” tại Thư Viện Hoa Kỳ ở Sài Gòn, tôi đề cập đến câu chuyện Tổng Thống John F. Kennedy. Ông Kennedy, là một người đẹp trai, một tổng thống yêu thơ nhất trong các vị tổng thống, bên cạnh ông thường có những tập thơ để ông đọc giải trí sau những giờ đầu đầu nhức óc giải quyết công vụ. Ông rất say mê những tác phẩm văn chương của nhà thơ Robert Frost. Năm 1960, trong ngày lễ nhậm chức tổng thống, ông mời cho bằng được nhà thơ Robert Frost đến đọc một trong những bài thơ hay của thi sĩ như là một tiết mục trong chương trình lễ đăng quang này. Ở Việt Nam ta, vua Tự Đức là một thi sĩ, nhưng không biết vua Tự Đức có mời các vị Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương đọc thơ trong ngày lên ngôi, tôi có nhờ học giả Tam Ích lục tìm tài liệu, câu hỏi chưa được trả lời thì giáo sư Tam Ích đã treo cổ, đập chồng sách kê cao làm chỗ đứng, vĩnh biệt ra đi...

Nhà thơ Robert Frost qua đời vào đầu năm 1963, thọ 88 tuổi. Ngày 26 tháng 10 năm 1963, Đại Học Amherst ở tiểu bang Massachusetts khánh thành một thư viện mới lấy tên thư viện Robert Frost để kỷ niệm nhà thơ vừa quá cố; Tổng Thống Kennedy đã được mời đến để đọc một diễn văn nói về thi ca và quyền lực, trong đó có những câu:

- Poet saw poetry as the means of saving power from itself (Thi sĩ đã thấy thi ca như là những phương tiện của bảo tồn sức mạnh tự chính nó) - When the power corrupts, poetry cleanses. (Khi quyền lực thối nát đôi bại, thi ca làm sạch tẩy uế.) - At bottom, poet held a deep faith in the spirit of man. (Từ đáy sâu thẳm thi sĩ đã giữ một niềm tin sâu xa vào tinh thần của con người.)

Đây là một bài diễn văn cuối cùng đầy ý nghĩa văn chương sâu xa nhất của Tổng Thống Kennedy; và 27 ngày sau, Tổng Thống Kennedy đã về cõi thơ đời đời với ông Robert Frost, khi ông Kennedy bị ám sát chết tại thành phố Dallas, thuộc tiểu bang Texas vào ngày 22 tháng 11 năm 1963.

Ông Alan Carter rất thích thú về câu chuyện của tôi trình bày; và từ đó chúng tôi làm bạn sách vở với nhau. Carter tặng tôi hai tác phẩm của William Faulkner, hai truyện dài đã đưa Faulkner lãnh giải Nobel văn chương năm 1949; tôi tặng Carter quyển “*Cuộc đời của bác sĩ Arrowsmith*” bản dịch việt văn tác phẩm của nhà văn Hoa kỳ Sinclair Lewis được giải thưởng văn chương năm 1930. Ông Carter vô cùng thích thú khi biết được độc giả Việt Nam đã thưởng thức văn chương Hoa kỳ trong một thời gian lâu dài hơn ông tưởng, trước khi người Mỹ ở ạt đến Việt Nam.

Alan Carter có bộ râu tuyệt đẹp phảng phất giống như nhà văn Ernest Hemingway được giải thưởng Nobel văn chương năm 1954 với cuốn “*The old man and the sea*”. Khi tôi bắt đầu dịch cuốn “*Lão ngư ông và bể cá*” được vài trang,

thì một hôm Carter đem tặng tôi bản dịch ra Việt Văn, cuốn sách này vừa mới in xong, và hề hả khoe rằng ông biết sinh hoạt văn chương Việt Nam hơn cả tôi, để đáp lễ tôi biết chuyện Kennedy yêu thơ hơn ông, nhà ngoại giao văn hoá Hoa Kỳ.

Những ngày kinh hoàng tháng Tư năm 1975, bộ râu của Carter bạc trắng ra xác xơ thêm mỗi lần gió nổi. Trong giai đoạn lịch sử nguy kịch hấp hối, Toà Đại Sứ Hoa Kỳ lãng quên con người văn hoá, những ưu tiên di tản do ông đề nghị như gió nhẹ ngoài tai. Cuộc kết thúc đã rõ ràng, không còn gì nữa, ông không còn giúp ai được nữa, kể cả một số đồng nhân viên cộng sự với ông trong cuộc di tản sống chết này. Cơ hội chỉ có một lần mà ông bất lực buông xuôi, không bao giờ nữa, never more... never more... Tôi không biết ông đang phân trần với tôi, hay là ông đang đọc bài thơ “The Raven” “Con Quạ” của thi sĩ Edgar Poe với điệp khúc “never more” lặp lại đến 11 lần ở cuối mỗi đoạn!

Và lần cuối cùng gặp nhau đó, ông Carter cho biết: “Khi đài phát thanh quân đội Hoa Kỳ gọi đến thỉnh giả câu: *“Mother wants you to call home” (Mẹ muốn bạn gọi về nhà)* và tiếp liền sau đó bản nhạc *“I am dreaming of a white Christmas” (Tôi đang mơ một lễ Giáng Sinh trắng xoá)* do ca sĩ Bing Crosby hát vang lên, đó là tín hiệu cuộc di tản toàn diện bắt đầu... Alan Carter đã không giúp được tôi, đó là một trong 30 cơ hội chuẩn bị vượt thoát ra đi với 30 tên người quen biết thân thích cùng 30 địa chỉ số điện thoại ghi chép rõ ràng trên giấy để từng ngày liên lạc theo dõi. Lòng tôi quặn thắt đau nhói gạch bỏ cơ hội thứ 28 Alan Carter, như đã gạch bỏ từ cơ hội thứ nhất đến cơ hội thứ 27 trong mấy ngày trước đây. Nhưng tin tức Carter cho đã giúp tôi một chút hy vọng mong manh để bầu vùi vào hai cơ hội cuối cùng...

Trước năm 1975, trong nhiều lần công du Đài Loan tôi quen biết một nhân vật, ông Hồ Liên, một đại tướng trong quân đội của Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, một học giả tâm lý học, một lý thuyết gia về chiến tranh tâm lý, một người nghiên cứu lịch sử chiến tranh và ông còn làm thơ nữa. Một lần ông hỏi tôi: *“Trong lịch sử Trung Hoa đời Tống có một vị tướng Việt Nam dám đem quân sang đánh Trung Hoa ở Quảng Tây, Nam Ninh, giết chết Đô Giám Quảng Tây, chiếm thành Ung Châu, tiêu diệt hơn 5 vạn quân Tàu. Vị tướng Việt Nam đó rất được Tể Tướng Vương An Thạch nổi tiếng đời Tống nể vì, nghe nói vị tướng Việt Nam đó là một thi sĩ?”*

Tôi hãnh diện cho ông biết đó là anh hùng Lý Thường Kiệt, vì sau thảm bại trên chính lãnh thổ Trung Hoa, năm 1076 Tể Tướng Vương An Thạch chỉ thị cho các tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết đem đại binh sang đánh phục thù. Tại bến cửa sông Như Nguyệt, quân hai bên xáp chiến vô cùng ác liệt dữ dội, Lý Thường Kiệt sai người giả làm thần nhân, đêm khuya cất lời ca sang sảng hùng khí bốn câu thơ đã làm phấn khởi nức lòng ba quân và đã đẩy lui được binh Tống:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên phận định tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!*

Thoát dịch ra Việt văn:

*Nước Nam sông núi, vua Nam ở
Phân định rõ ràng theo sách trời
Vì sao giặc nghịch sang xâm phạm?
Nếu cứ làm, chuốc bại tá toi!*

Tôi đã gửi tặng ông Hồ Liên nguyên bản bài thơ bằng Hán Văn và bản dịch tiểu sử của anh hùng Lý Thường Kiệt, ông vô cùng cảm kích và trong một bài ông viết đăng báo nói về sức mạnh của thi ca ông có kể chi tiết lý thú về vị anh hùng đất Việt phương Nam này.

Ngày 5 tháng 4 năm 1975, lúc 11 giờ 50 tối, Tổng Thống Tưởng Giới Thạch qua đời, cả đảo Đài Loan buồn thảm nức nở đau thương. Ngày 18 tháng 4 năm 1975, một buổi lễ truy điệu đơn giản tại Tòa Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc ở đường Hai Bà Trưng Sài Gòn, tôi đến tham dự và gặp lại ông Hồ Liên hiện làm Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc tại Việt Nam Cộng Hoà. Sau buổi lễ, ông mời tôi vào văn phòng và cho biết tình hình quân sự tại Việt Nam Cộng Hoà hiện nay cũng giống như Trung Hoa Dân Quốc năm 1949; sự hỗn loạn tâm lý cực kỳ nguy hiểm kéo theo sự sụp đổ nhanh chóng từng phần lãnh thổ như những con bài domino đẽ bẹp ngã chồng chất lên nhau. Trung Hoa lục địa đất rộng dân đông phải mất nhiều tháng, còn Việt Nam Cộng Hoà thì quá nhỏ. Những lời nói của ông làm cho tôi khó thở nghẹn ngào. Sau đó ông cho biết thêm: Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc biệt phái hai chiếc tàu sẽ đến hải cảng Vũng Tàu để giúp di tản những người Trung Hoa liên hệ, và ông ký giấy giữ 5 chỗ cho vợ chồng và ba đứa con tôi. Khi đứng lên đưa tiễn tôi ra về, nhìn về thất thần trên khuôn mặt mất ăn mất ngủ vài tuần nay của tôi, ông Hồ Liên ái ngại, thành thật và quyết tâm giúp đỡ hơn:

- Có thể hai chiếc tàu Trung Hoa đến quá trễ và tôi muốn giúp ông một việc nữa, một việc cuối cùng. Sáng ngày 25-4-1975 tôi sẽ đáp máy bay về nước, chiều ngày 25-4-1975 Tòa Đại Sứ Trung Hoa sẽ vĩnh viễn đóng cửa, tôi cho ông mượn chiếc xe Đại Sứ của tôi, chiếc xe ngoại giao đoàn có thể chạy đến bất cứ nơi nào kể cả trong giờ giới nghiêm... Đó là tất cả những gì người bạn Trung Hoa của ông có thể làm được. Chúc ông may mắn...

Và quả thật tôi đã có một chút may mắn trong cơ hội vượt thoát cuối cùng thứ 30, trước khi ca sĩ Bing Crosby cất tiếng hát *“Tôi đang mơ một mùa Giáng Sinh tuyết trắng”* để báo hiệu cuộc di tản toàn diện bắt đầu, thì Đại Úy Kroll gọi điện thoại bảo tôi vào ngay phi trường Tân Sơn Nhứt vào chiều ngày 27-4-1975.

Nguyễn Thị Kim Oanh, cô em vợ tôi, có bằng B.S nhân viên phái bộ quân sự Hoa Kỳ (viết tắt là D.A.O), trước khi ra đi đã nhờ Đại Úy Kroll giúp đỡ gia đình tôi vượt thoát bằng các chuyến bay quân sự Hoa Kỳ. Nhờ chiếc xe của đại sứ Hồ Liên, gia đình tôi vượt qua cổng gác phi trường Tân Sơn Nhứt một cách dễ dàng. Nhưng Đại Úy Kroll hoãn ưu tiên của gia đình tôi, yêu cầu xe chúng tôi quay về nhà, chờ những chuyến bay sau. Ngày hôm sau, ngày 28-4 lúc 4 giờ chiều, chúng tôi đang xem trực tiếp vô tuyến truyền hình buổi lễ bàn giao giữa Tổng Thống ra đi Trần Văn Hương và Tân Tổng Thống Dương Văn Minh, thì chuông điện thoại reo vang, Đại Úy Kroll yêu cầu gia đình tôi vào ngay phi trường Tân Sơn Nhứt. Bầu trời tối sẫm, mưa đầu mùa rả rích, tôi quỳ lạy song thân tôi vừa di tản từ Quy Nhơn vào, rồi diu ba đứa con, tôi cùng vợ lên xe hối hả ra đi. Mẹ tôi, trong cơn mưa, chạy tho đưa tiễn, nước mắt đầm ướt trên khuôn mặt nhăn nheo khô

khô héo của người. Đường phố Sài Gòn chiều ngày 28-4 là cảnh cực kỳ hỗn loạn tưởng chừng như ngày tận thế, mọi người bất chấp chi với một mục đích sống còn. Phải mất hơn một giờ rưỡi đồng hồ, xe chúng tôi mới đến cổng gác Tân Sơn Nhứt với hơn một trung đội quân cảnh Việt Mỹ, họ chặn tất cả mọi xe dân sự không cho vào phi trường. Tôi thấy một số nhân vật trong Hội Đồng Nội Các không có nhân viên hộ tống, xe họ bị chặn lại và đuổi ra về. Khi gia đình chúng tôi trên xe Đại Sứ Trung Hoa được nhanh chóng chạy vào tới khu Air America, sát phi đạo thì những chiếc máy bay cộng sản trút bom xuống phi trường. May mắn thay gia đình chúng tôi thoát hiểm, chỉ cách chỗ chúng tôi không đầy 100 thước, tôi thấy vài chiếc máy bay C47 bị phá huỷ hư hại hoàn toàn. Vào xẩm tối, tôi bắt tay anh Bảy Điện, người tài xế đã đến lấy xe tại Toà Đại Sứ Trung Hoa chiều ngày 25-4, và trong ba ngày qua anh đã ở luôn trong xe, việc cơm nước do Kim Yên vợ tôi cung cấp, anh bất chấp sự sôi sục hỗn loạn của tình thế, quyết tâm giúp đỡ tôi. Anh đúng là một người bạn thật sự cần thiết vì cả vợ chồng tôi lúc đó không lái xe và cần thiết thật sự một người tài xế trung thành. Anh là người công giáo, công chức ngạch tài xế lâu năm, đã lái xe cho Tổng Trưởng Bộ Ngoại Giao, tôi là chức vụ thấp nhất anh lái xe đưa rước. Sự vui vẻ bình tĩnh giúp đỡ trong ba ngày cuối cùng của anh đã làm phong phú cuộc sống của tôi quá nhiều.....

Chúng tôi ôm nhau, biết nhà tôi luôn luôn cầu Phật, anh nói:

- Trời Phật sẽ giúp ông bà. Tôi sẽ cầu nguyện Chúa phù hộ ông bà. Vĩnh biệt...

Rồi anh lên xe, nhìn chúng tôi, làm dấu thánh giá và nói theo:

- Bây giờ tôi làm Đại Sứ Trung Hoa lái xe ra về!

Giây phút cuối cùng anh còn dạy tôi thêm một bài học: trong mọi hoàn cảnh, kể cả tình trạng thâm bi đát nhất, hãy cố gắng giữ một tinh thần lạc quan hài hước, một nụ cười...

Chín giờ tối ngày 28-4, Đại Úy Kroll cho tôi biết chuyến bay đưa gia đình tôi sang Phi Luật Tân sẽ cất cánh vào lúc 4 giờ 30 sáng ngày 29-4. Lúc bấy giờ tôi thấy khoảng gần hai ngàn người Việt Nam trong những ngôi nhà và sân thể thao của cơ sở phái bộ quân sự Hoa Kỳ. Sự an ninh trật tự được một trung đội thủy quân lục chiến Mỹ trang bị đầy đủ đảm nhận làm chúng tôi vững dạ an tâm. Nhưng những thử thách chết người vẫn chưa buông tha cho gia đình tôi.

Suốt cả đêm máy bay lên xuống không ngừng, tiếng máy bay gầm thét, tiếng đạn pháo từ xa vọng lại, cầu không vận hồi hả tiếp diễn. Tôi nhìn theo những chiếc máy bay C130 đi lại trên bầu trời, tinh thần căng thẳng tột độ, không sao chớp mắt được. Bốn giờ 30 phút sáng 29-4, chuyến bay của gia đình tôi dự định cất cánh, thì đúng 4 giờ thân chết đã phủ phàng oái ăm đến sớm đổ ập xuống, tán đờm kinh hồn. Hàng trăm hỏa tiễn, hàng ngàn đạn đại bác 130 ly đình tại nhưc óc xé bầu trời, mưa lửa vào phi trường Tân Sơn Nhứt và cơ sở quân sự DAO. Tôi xô vợ con tôi xuống một cái hố cạn, sâu chừng năm bảy tấc, bên cạnh sân thể thao DAO. Các con tôi quá hãi hùng khóc ré lên, tôi bảo chúng lấy tay bịt tai, nằm cúi đầu sát xuống, còn tôi và vợ tôi mỗi người nằm đè lên chúng. Thật lạ khi cái chết sát kề, tôi không còn biết sợ là gì nữa, mở mắt nhìn chung quanh. Ngoài xa, một kho xăng của phi trường trúng đạn, bốc cháy khói đen đặc quánh bốc lên trên bầu trời, xen lẫn những đóm lửa tròn, những tia lửa đạn pháo cây nạt không trung, tiếp theo những tiếng nổ trời long đất lở. Rồi lửa ngùn ngụt cháy lan nhanh. Một quả đạn nổ sát chiếc máy bay C130 đang đỗ trên phi đạo, tôi thâm nghĩ đó là chiếc máy bay đã sẵn sàng cho chuyến bay của gia đình tôi cất cánh lúc 4 giờ 30 phút; giờ máy bay bị hư méo giống như một vật bằng nhôm bị bóp nát. Một trạm gác tại khu vực DAO cách chỗ tôi nằm không xa, hai người lính Mỹ nằm chết ngay do những đạn pháo ban đầu. Gần hơn, một người đàn bà nằm chết vì bị bức tường đè sập, trong lúc hàng trăm người Việt Nam tán loạn bị khói lửa bom đạn lừa đi. Trong cơn bão lửa sấm sét bom đạn của ngày tận thế, tôi không còn đủ sức quan sát nữa, bèn bịt tai nhắm mắt lịm dần đi...

Từ mờ sáng ngày 29-4, tôi đỡ các con tôi ngồi dậy, những thân người chết đã được khiêng đi, chỉ còn lại cảnh điêu tàn đổ nát. Đây đó những đám cháy nhỏ vẫn còn đang bốc khói. Số người Việt Nam ở lại tại sân thể thao cơ quan quân sự DAO lúc bấy giờ còn khoảng vài trăm và đến trưa chỉ còn lại hơn 60 người. Một điều đặc biệt thấy rõ là không còn bóng dáng một quân nhân Mỹ nào, ngoại trừ một người Mỹ dân sự bên bàn điện thoại truyền tin. Tôi tiến đến bên cạnh ông ta:

- Thưa ông, chúng tôi có thể chờ đợi ở đây để được lên máy bay ra đi?

- Xin lỗi, tôi không biết, tôi chỉ được lệnh ngồi giữ điện thoại này.

Đó là D day, ngày dài nhất ngày định mệnh của đời tôi. Đến trưa các con tôi đói lả, chúng đã không ăn uống gì từ chiều hôm trước, cùng lúc đó Touneh Hàn Thọ, Phó Tổng Thư Ký Bộ Phát Triển Sắc Tộc, người bạn dân tộc thiểu số, nhà ở gần nhà tôi, Thọ vừa từ Sài Gòn lái xe đến mời gia đình tôi cùng ra về. Các con tôi leo lên xe, vợ tôi thấy như vậy là hợp lý, nhưng chần chờ đợi ý kiến của tôi. Tôi lấy sáu tập thơ đã xuất bản từ trong hành lý, ôm vai vợ tôi nghẹn ngào:

- Nếu em muốn, em có thể cùng các con ra về. Anh sẽ ở lại đây, nếu đi được thì sống còn. Anh không biết quyết định nào là đúng cho các con, nhưng ở lại đây với mấy quyển sách là hy vọng duy nhất cho đời anh.

Tội nghiệp cho vợ tôi, nặng và các con không thể bỏ tôi chết ở đây một mình. Đến 4 giờ chiều ngày 29-4, tôi mệt nhọc đói lả, tinh thần suy sụp kiệt sức, hy vọng dần dần tan biến đi theo bước chân của mặt trời từ từ xuống thấp phía Tây. Tôi không còn đủ sức ngồi nữa, nằm dài ra trên đất, đầu gối lên chiếc xách tay nhỏ đựng mấy tập thơ, mắt hướng về người Mỹ dân sự ngồi gác điện thoại, cách chỗ tôi nằm khoảng năm sáu thước. Hơn bốn giờ chiều tôi mệt lả dần dần mê đi và tôi mơ hồ thấy người Mỹ dân sự ngoắc tay vẫy gọi.

Trước khi nhắm mắt hẳn, tôi thì thào nói với vợ tôi đang ngồi bên cạnh:

- Anh thật sự hôn mê rồi, anh thấy người Mỹ vẫy tay gọi anh...

Vợ tôi nhìn theo, lớn giọng la lên:

- Người Mỹ đó vẫy tay mời gọi anh đó, anh không mơ đâu.

Tôi chậm chạp tiến đến chỗ hẳn ngồi. Người Mỹ dân sự đứng dậy bắt tay tôi: *“Các anh sẽ được đi tản bằng máy bay trực thăng. Hãy bảo nhau dọn sạch nơi này”*.

Nghe đến đây, tiềm năng và sức sống trong cơ thể tôi bùng bùng nổi lên hồi phục. Tôi cùng với vài chục thanh niên còn nần nã ở lại, trong đó có cả Hàn Thọ đã nghe theo quyết định của tôi, chúng tôi dầm mình trong mưa nỗ lực cắt dọn thành đồng cao hàng trăm chiếc va-li Samsonite của những người chạy tán loạn đem qua bỏ lại, trong đó chất chứa biết bao sự nghiệp, tâm sự, kỷ niệm của đời người... Hơn 5 giờ chiều ngày 29-4, sân thể thao tại căn cứ quân sự DAO đã được dọn ỉu sạch sẽ bằng phẳng, sau đó một tiểu đội thủy quân lục chiến Hoa kỳ trang bị toàn tiểu liên với đạn quán đầy mình, từ máy bay trực thăng đổ xuống bảo vệ bãi đáp, theo đội hình chiến đấu. Khoảng nửa giờ sau, bốn chiếc trực thăng Chinook CH 53 đầu tiên đáp xuống sân thể thao căn cứ quân sự DAO và bốc đi những người từ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ hoặc những địa điểm tập trung khác do những chiếc xe buýt ào ạt chở đến. Rồi từng đợt bốn chiếc trực thăng Chinook đáp xuống, hồi hả bay lên, cầu không vận bằng trực thăng rầm rộ ào ạt quay cuồng... Chúng tôi vô cùng lo lắng sốt ruột, sợ lại trễ, sợ tai họa lại giáng xuống... Mãi đến đợt thứ bảy, hơn 600 người cuối cùng còn lại tại sân thể thao căn cứ quân sự DAO, mới đến lượt ra đi... Máy bay trực thăng Chinook CH 53 là một loại máy bay trực thăng lớn, hai cánh quạt ở đầu và đuôi, thường có thể vận tải 50 quân nhân Mỹ hoặc 60 người Việt Nam. Khi bốn chiếc máy bay cùng hạ xuống trong một sân thể thao hẹp, tám cánh quạt quay tít tạo ra một trận bão với sức gió 130 cây số một giờ. Tôi đã nhìn thấy một vài phụ nữ ốm yếu và trẻ em bị cuốn đi, nhưng nhờ sự dũng cảm tận tâm của binh sĩ Hoa Kỳ, cuối cùng họ cũng được lôi vào trong lòng Chinook. Khoảng cách vài chục thước, nhưng dường như con đường dài vô tận cho ba đứa con tôi từ 6 đến 11 tuổi. Tất cả hành lý mang theo đều quăng bỏ lại, tôi ngồi xồm tiến lên theo kiểu ếch đi, đẩy hai đứa con trai đang bò bằng hai tay, chậm chạp từng thước một. Khi ra đi, tôi cho hai đứa con trai mặc đồng phục hướng đạo vì nghĩ rằng nếu chúng có bất hạnh chết đi, cũng được chết trong can đảm danh dự. Giờ thì con lóc 130 cây số một giờ đánh tôi tả bộ đồng phục ngắn, mong manh. Năm phút trôi qua, mà gia đình tôi tiến được chừng mười thước, trong lúc tất cả hơn 60 người hành khách khác đã vào lọt trong phi cơ. Nước mắt lưng tròng, tôi hoảng hốt tuyệt vọng... Không thể chờ đợi lâu thêm một phút nào nữa, hai người lính thủy quân lục chiến Mỹ xông ra, một người bồng hai đứa con trai tôi, một người khác nắm tay vợ chồng và đứa con gái lớn của tôi kéo vào lòng phi cơ, ngay tức khắc máy bay từ từ lên thẳng. Máy bay lên được 3 thước thì phải hạ xuống vì quá trọng tải. Cố gắng lên vài thước nữa, rồi cũng phải hạ xuống. Tôi nghe tiếng người Mỹ trưởng phi hành đoàn hét lên: *“Gắng một lần nữa, nếu không được thì giảm bớt hành khách!”*

Trời ạ, giá không hiểu Anh Ngữ thì lòng tôi thanh thản an ổn hơn, giảm ai đây, hợp lý nhất và đại bất hạnh là gia đình tôi, những kẻ lên sau cùng.

Phi công hải quân Hoa Kỳ quả thật kinh nghiệm tài ba và đầy bình tĩnh gan dạ. Lần thứ ba phi cơ lên nhanh và bắt đầu bay. Qua cửa hậu còn mở tôi thấy rõ máy bay vượt qua thành phố theo đường Vũng Tàu tiến về hướng Đông. Tôi nhìn vợ tôi mặt mày hốc hác xanh tái đang ôm các con vào lòng, nước mắt nhạt nhoà, dần dần nhìn xuống thành phố Sài Gòn, vĩnh biệt... vĩnh biệt...!

Khoảng 10 giờ tối, máy bay hạ cánh xuống tàu Hancock, một chiến hạm trong đội thất hạm đội Hoa kỳ ở Thái Bình Dương. Tôi ăn qua loa miếng bánh mì, uống vài ly nước và ngã gục xuống ngủ mê mết như chết cho đến ba giờ sáng ngày 30-4-1975; một cơn đau bụng quặn thắt khủng khiếp đánh thức tôi dậy và biết tin chuyến bay chở gia đình tôi là chuyến bay cuối cùng tại căn cứ quân sự DAO. Và cũng trong giây phút này, Tom Polgar, giám đốc cơ quan tình báo của Tòa Đại Sứ Hoa kỳ, đánh bức điện tín cuối cùng về Hoa Thịnh Đốn thông báo chấm dứt cuộc di tản; bức điện tín lịch sử nhìn nhận bạo lực đã chiến thắng tự do đã chết, có một nội dung đầy triết lý, nguyên văn như sau:

“Đây là một cuộc chiến lâu dài và khó khăn mà chúng ta đã bại trận” ...

“Kinh nghiệm đau thương độc nhất này trong lịch sử Hoa kỳ, không nhất thiết có nghĩa là sức mạnh siêu cường của quốc gia Hoa Kỳ đã chấm dứt tiêu tan. Nhưng tầm quan trọng của sự thua cuộc và trường hợp đưa đến sự thất bại, buộc chúng ta phải nhìn nhận cứu xét lại những chính sách nhỏ giọt nửa vời (the policies of niggardly half measures) là đặc điểm chính chúng ta đã áp dụng vào cuộc chiến trên đất nước này, mặc dầu sự cam kết về nhân lực và tài lực thật ra đã vô cùng phong phú. Những người không học được gì từ lịch sử, sẽ lặp lại sai lầm của lịch sử. Hy vọng rằng chúng ta sẽ không có một kinh nghiệm Việt Nam khác và đó là điều chúng ta đã học được trong bài học này.

Chấm dứt liên lạc từ Sài Gòn”

Huy Lực Bùi Tiên Khôi

Nhắn Tin: Võ Thị Tuyết trước đây ở Cây Chàm, Biên Hoà, anh trai là Võ Thành Công, con của Ông Bà Võ Văn Sanh (Chín Sanh) khi xưa buôn bán ở chợ Biên Hoà, muốn tìm và liên lạc với những người quen, các bạn học cũ trường Trung Học Ngô Quyền và Trần Thượng Xuyên. Xin gọi số phone 909-592-6060, email linda77snow@aol.com . Mong tin.

Cảm Tạ: Quý Đồng Hương và Thân Hữu sau đây đã đóng góp giúp quỹ Hội (Dollars): Đồng Hương: Bác Nguyễn Văn Lý (Temple, CA, con trai của Cố Bác Sĩ Nguyễn Văn Hoài) \$100, Ông Lê Thanh Liêm (Farnborough, England) \$100, Ông Nguyễn Văn Tài (Paris, France) \$50, Bác Huỳnh Thị Thạnh (Fresno, CA, cựu chủ nhân Quán Tuyết Hồng) \$50, Chị Võ Kim Ngân (Houston, TX) \$30, Anh Tô Hoà Dương (Sacramento, CA) \$20, Anh Lê Văn Đông (San Jose, CA), \$40, Anh Diệp Kỳ Quang (Pearland, TX) \$50. Anh Nguyễn Tạ (Denver, CO) \$30. Thân Hữu: Ông Nguyễn Văn Phong (Houston, TX) \$20, Bác Trương Khánh (Houston, TX) \$20.